

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 21/2026/DS-PT

Ngày: 26/01/2026

“Tranh chấp hợp đồng mua
bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG NGÃI**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Dương Thị Vân

Các Thẩm phán: Bà Trịnh Thị Thu Lan và bà Hoàng Thị Mai Hạnh.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hồng Như - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi: Ông Lê Văn Việt - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 01 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 150/2025/TLPT-DS ngày 08 tháng 12 năm 2025, về việc: “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”. Do Bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 30 tháng 9 năm 2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 220/2025/QĐ-PT ngày 30 tháng 12 năm 2025, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Huỳnh Thị L (chết ngày 26/7/2025).

Những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Nguyễn Thị L1 gồm:

1. Anh Võ Việt H, sinh năm 1983;
2. Anh Võ Ngọc H1, sinh năm 1985;
3. Anh Võ Ngọc C, sinh năm 1993;

Cùng địa chỉ: Xóm A, thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, đều có mặt.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1972; địa chỉ: Số A đường T, phường N, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Chị Phan Thị Hồng C1, sinh năm 1991; địa chỉ: Xóm A, thôn C, xã B, tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

2. Anh Nguyễn Vương V, sinh năm 1993; địa chỉ: Tổ A, phường Q, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi (nay thuộc tổ A, phường N, tỉnh Quảng Ngãi), có mặt.

3. Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1976; địa chỉ: Số A đường T, Phường L, thành phố Q (nay thuộc phường N), tỉnh Quảng Ngãi, có mặt.

Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị T là bị đơn trong vụ án.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện, các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà Huỳnh Thị L là các anh Võ Việt H, Võ Ngọc H1 và Võ Ngọc C trình bày:*

Giữa bà Huỳnh Thị L và bà Nguyễn Thị T có quan hệ làm ăn buôn bán heo với nhau từ năm 2018, bà L thu mua và cung cấp heo cho bà T là chủ lò mổ bán. Các bên thỏa thuận cách thức mua bán là bà T gọi điện thoại cho bà L đặt hàng. Mỗi ngày bà L giao khoảng từ 04 đến 06 con, mỗi con heo nặng khoảng 100kg – 120kg, trung bình mỗi đơn hàng khoảng từ 40 triệu đến 60 triệu đồng. Khi giao hàng, bà L sẽ ghi rõ thông tin trong phiếu hàng về số lượng heo giao, cân nặng, đơn giá, thành số tiền đưa cho lái xe. Lái xe sẽ chở heo giao cho bà T và đưa cho bà T phiếu giao hàng. Mỗi đơn hàng sau khi giao xong thì đến chiều ngày hôm sau, sau khi mổ, bán heo, thu tiền hàng thì bà T mới chuyển trả tiền cho bà L, qua số tài khoản của chị Phan Thị Hồng C1 (con dâu bà L), có lúc bà T đưa tiền mặt. Tuy nhiên, bà T chỉ chuyển trả một ít, còn nợ lại không trả hết tiền hàng sau mỗi đợt giao. Khoảng 01 đến 02 tháng thì bà L vào nhà bà T để chốt tiền nợ và xác nhận còn nợ bao nhiêu và bà T ghi vào sổ của bà L.

Theo Giấy ghi ngày 26/11/2022, giữa bà L và bà T chốt số tiền bà T nợ 313.500 (đây là số ghi tắt, nghĩa là bà T còn nợ là 313.500.000 đồng). Giấy này chốt nợ năm 2022, năm 2023 bà L có kiện bà T yêu cầu trả nợ tiền mua heo và hai bên đã thỏa thuận giải quyết xong nhưng giấy chốt nợ 26/11/2022, bà L chưa khởi kiện vì lúc đó giấy này bị thất lạc.

Theo Giấy ghi “Chốt tiền heo (11-1-2024) đến ngày (8-2-2024)”, hai bên chốt đợt mua bán heo từ ngày 11/01/2024 đến ngày 08/2/2024, chốt đến ngày 15/02/2024, số tiền bà T nợ là 260.000.000 đồng.

Theo giấy ghi ngày 18-5-2024, hai bên chốt nợ tiền heo của các đợt giao hàng từ ngày 12/3 đến ngày 18/5/2024, bà T còn nợ là 475.000.000 đồng.

Theo Giấy ngày 29/7/2024 ghi chót nợ 220.000 là ghi tắt, theo giấy này bà T còn nợ bà L số tiền 220.000.000 đồng, đây là số tiền chót nợ heo trong tháng trước ngày 29/7/2024 chứ không phải chót toàn bộ khoản nợ. Mỗi đợt chót nợ đều ghi một giấy riêng. Theo bản phô tô tài liệu kèm theo đơn khởi kiện thể hiện giấy có tiêu đề “Cô Thảo 29/7/2024”, các con số ghi trong giấy này thể hiện “205.000”, số “15”, “220.000đ”. Tuy nhiên, theo giấy gốc anh H1 nộp thể hiện các con số 205.000.000, 15.000, 220.000.000 tức là mỗi con số đều được viết thêm 03 con số “0” ở phía sau. Lý do là vì, sau khi làm việc với Tòa án, được biết bà T khai các con số trên là “205.000” là ghi hai trăm lẻ năm nghìn đồng, không phải hai trăm lẻ năm triệu đồng; số “15” là mười lăm nghìn đồng; số “220.000đ” là hai trăm hai mươi nghìn đồng, không phải hai trăm hai mươi triệu đồng nên bà L mới viết thêm vào để dễ biết. Vì trong quá trình mua bán qua lại, các bên đều ghi tắt số tiền chứ không riêng gì trong nội dung của giấy có tiêu đề “Cô Thảo 2”. Việc viết thêm các con số “0” không làm thay đổi nội dung khởi kiện của bà L, vì tại đơn khởi kiện, bà L khởi kiện số tiền “220.000” là hai trăm hai mươi triệu đồng.

Như vậy, bà T còn nợ tiền mua heo của bà L theo 04 giấy như trên tổng cộng là 1.268.500.000 đồng. Bà L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L yêu cầu Tòa án giải quyết buộc bà T phải trả cho các đồng thừa kế của bà L (gồm các anh Võ Ngọc H1, Võ Việt H, Võ Ngọc C) số tiền 1.268.500.000 đồng, bà L cũng như các đồng thừa kế của bà L không yêu cầu tính lãi.

** Theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn là bà Nguyễn Thị T trình bày:*

Bà thống nhất nội dung trình bày của bà L và những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L về quan hệ mua bán, cách thức mua bán, giao hàng, thanh toán tiền.

Bà chuyển trả tiền cho bà L bằng hình thức có lúc đưa trực tiếp cho anh C nhưng không có yêu cầu anh C ký nhận tiền; tuy nhiên, sau đó bà thường gọi cho bà L về việc đã đưa tiền cho anh C; có lúc bà ra Ngân hàng để nộp tiền vào số tài khoản của anh Nguyễn Vương V và nhờ anh V chuyển khoản cho bà L; có lúc Ngân hàng đóng cửa thì bà nhờ bà Nguyễn Thị T1 (em ruột của bà) chuyển tiền cho bà L, thông qua số tài khoản của chị C1 (con dâu bà L). Việc mua bán giữa bà và bà L diễn ra hằng ngày, nghỉ vào ngày rằm, mùng một hằng tháng hoặc có khi chất lượng thịt heo không tốt thì bà cũng nghỉ một vài ngày.

Thỉnh thoảng vài ngày bà chưa chuyển tiền để trả thì bà L hoặc con gái bà L vào chỗ bà để chót nợ. Giấy chót nợ do bà L giữ. Sau khi chót thì bà chuyển trả tiền cho bà L, trả nhiều lần đến khi trả xong. Sau khi trả xong bà có yêu cầu bà L đưa

lại giấy chốt nợ cho bà nhưng bà L không đưa, bà L nói tiền đã chuyển trả vào tài khoản rồi, không sao đâu nên bà tin tưởng bà L, không hỏi giấy chốt nợ nữa.

Từ năm 2018 đến cuối năm 2023, giữa bà và bà Huỳnh Thị L đã thống nhất chốt nợ được ghi nhận trong Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2024/QĐST-DS ngày 24/6/2024, theo đó bà có nghĩa vụ trả cho bà L tổng số tiền 1.447.000.000 đồng và bà đã trả xong số tiền này.

Từ ngày 11/01/2024 đến ngày 18/5/2024 giữa bà và bà L tiếp tục mua bán heo và phát sinh các khoản nợ theo các giấy nợ bà L đã nộp cho Toà án, cụ thể:

- Theo giấy có tiêu đề “Chốt tiền heo (11-1-2024) đến (08-2-2024)”, số tiền chốt nợ là 260.000.000 đồng (hai trăm sáu mươi triệu đồng), chữ viết và ký phía dưới tờ giấy là của bà.

- Theo giấy có tiêu đề “18-5-2024”, số tiền chốt nợ là 475.000.000 đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng), chữ viết từ dòng “Nguyễn Thị T nợ tiền heo của bà Huỳnh Thị L số tiền 475 triệu đồng (bốn trăm bảy mươi lăm triệu đồng) đến cuối trang giấy này là của bà.

- Theo giấy có tiêu đề “Cô Thảo 29/7/2024”, chữ viết trong giấy này là chữ viết của bà, do trước đó các bên tính toán nhưng còn sót số tiền này. Các con số trong giấy này ghi “205.000” là ghi hai trăm lẻ năm nghìn đồng, không phải hai trăm lẻ năm triệu đồng; số “15” là mười lăm nghìn đồng; số 220.000đ là hai trăm hai mươi nghìn đồng, không phải hai trăm hai mươi triệu đồng. Số tiền ghi trong giấy chốt nợ này thể hiện bà nợ bà L 220.000 đồng (hai trăm hai mươi nghìn đồng). Do số tiền nhỏ nên không viết bằng chữ, bà L nói cho bà nhưng bà không đồng ý nên bà vẫn ghi vào giấy nợ bà L số tiền này.

Như vậy, theo 03 giấy chốt nợ trên thể hiện bà còn nợ bà Huỳnh Thị L là 735.220.000 đồng. Số tiền này bà đã chuyển trả hết cho bà Huỳnh Thị L thông qua hình thức nhờ chuyển từ tài khoản của anh Nguyễn Vương V, bà Nguyễn Thị T1 cho con dâu của bà L là chị Phan Thị Hồng C1.

Theo giấy có tiêu đề “Tối 26/11/2022”, hai bên chốt nợ, bà còn nợ bà L 313.500 có nghĩa là “ba trăm mười ba nghìn năm trăm đồng”. Vì số tiền chốt nợ nhỏ nên chỉ ghi bằng số không ghi bằng chữ. Số tiền chốt nợ 313.000 đồng theo giấy nợ nêu trên thì đã được các bên giải quyết tại Quyết định công nhận sự thỏa thuận của các đương sự số 62/2024/QĐST-DS ngày 24/6/2024 nêu trên.

Từ ngày 18/5/2024, giữa bà và bà L chấm dứt việc làm ăn buôn bán heo với nhau nên không phát sinh nợ. Tuy nhiên, tại Biên bản đối chất ngày 28/8/2025 và tại phiên toà, bà xác định từ sau ngày 18/5/2024 thì giữa bà với bà L vẫn tiếp tục mua bán heo nhưng bà L yêu cầu giao đợt nào thì trả tiền đợt đó nên không phát

sinh nợ nữa. Số tiền theo các giấy chốt nợ bà L khởi kiện là số nợ trước ngày 18/5/2024.

Bà xác định không nợ bà L số tiền là 1.268.500.000 đồng như bà L khởi kiện, chỉ nợ bà L số tiền 735.220.000 đồng, sau đó có nhờ anh Nguyễn Vương V, bà Nguyễn Thị T1 chuyển trả cho bà L số tiền 737.640.000 đồng, trả vượt số tiền 2.420.000 đồng nên không đồng ý yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Đối với số tiền đã trả vượt 2.420.000 đồng thì bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

- Bà Nguyễn Thị T1 trình bày:

Bà và bà Nguyễn Thị T là chị em ruột. Bà T thường nhờ bà chuyển trả tiền mua heo cho bà Huỳnh Thị L thông qua số tài khoản đứng tên Phan Thị Hồng C1, ngoài ra không còn số tài khoản nào khác. Số tiền mỗi lần chuyển vài chục triệu đến 50 triệu và đều có nội dung trả tiền mua heo cho bà Huỳnh Thị L. Trong năm 2024, bà T nhiều lần nhờ bà chuyển tiền trả cho bà L nhưng không nhớ rõ bao nhiêu lần. Khi nhờ là chuyển ngay, không có việc bà T đưa tiền cho bà mà bà quên, không chuyển cho bà L.

- Chị Phan Thị Hồng C1 trình bày: Chị là con dâu bà Huỳnh Thị L nên biết bà T và bà L có mối quan hệ buôn bán heo với nhau và chị cũng thường xuyên giúp bà L giao heo cho bà T và nhận tiền. Chị có nhận tiền của anh Nguyễn Vương V chuyển trả tiền heo, mỗi lần chuyển anh V có chụp màn hình, gửi cho chị qua Facebook và có nhắn nội dung cô T gởi tiền heo. Các lần anh V chuyển tiền cho chị thì chị vẫn còn lưu giữ ảnh chụp.

Việc bà T có nhờ bà Nguyễn Thị T1 chuyển tiền trả tiền heo hay không thì chị không biết, chị chỉ biết khi nào bà T chuyển trả tiền heo thì đều gọi điện cho chị hoặc bà L để thông báo biết ghi vào sổ theo dõi. Khi kết sổ hai bên tính số tiền heo, số tiền bà T trả, số tiền bà T còn nợ được ghi trong sổ của bà L và sổ theo dõi của bà T đều trùng khớp nên bà T ký xác nhận vào các giấy nợ mà bà L đã nộp theo đơn khởi kiện. Theo Giấy ghi ngày 26/11/2022, có ghi 313.500 là ghi tắt, thể hiện số tiền bà T còn nợ là 313.500.000 đồng.

- Anh Nguyễn Vương V trình bày: Anh đang làm việc tại Công ty CP, giữa anh, bà L và bà T đều quen biết nhau vì Công ty CP là khách hàng của bà T, nhờ bà T giết mổ heo cho Công ty CP, bà L bỏ heo cho bà T.

Bà T thường nhờ anh chuyển trả tiền mua heo cho bà L thông qua số tài khoản đứng tên Phan Thị Hồng C1. Khi nào cần nhờ anh chuyển tiền giúp thì bà T đến Ngân hàng TMCP Á – chi nhánh Q nộp tiền vào số tài khoản của anh. Sau đó

bà T gọi cho anh nói nhờ chuyển tiền heo cho bà L. Có lúc bà T đưa tiền mặt cho anh để nộp vào tài khoản và sau đó chuyển cho bà L.

Việc chuyển tiền cho bà L, anh không ghi nội dung nhưng có chụp màn hình và gửi tin nhắn qua tài khoản facebook cho chị C1 và nhắn nội dung “Cô T gửi tiền”. Bà T nhờ chuyển trả tiền heo chứ không nói rõ chuyển trả khoản nợ cụ thể nào. Tất cả những lần bà T nhờ chuyển tiền thì anh đều chuyển đầy đủ cho bà L. Anh chỉ sử dụng số tài khoản của anh tại Ngân hàng TMCP Á để chuyển tiền cho bà L và chỉ chuyển vào số tài khoản của chị C1 (con dâu bà L), ngoài ra không sử dụng tài khoản nào khác.

*** Bản án số 74/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi đã xử:**

1. Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L (chết ngày 26/7/2025, có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là anh Võ Ngọc H1, anh Võ Ngọc C, anh Võ Việt H),

Buộc bà Nguyễn Thị T phải trả cho bà Huỳnh Thị L (chết ngày 26/7/2025, có những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là anh Võ Ngọc H1, anh Võ Ngọc C, anh Võ Việt H) số tiền 955.000.000 đồng (*chín trăm năm mươi lăm triệu đồng*).

2. Không chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Huỳnh Thị L (chết ngày 26/7/2025, những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là anh Võ Ngọc H1, anh Võ Ngọc C, anh Võ Việt H) đối với phần yêu cầu buộc bà Nguyễn Thị T phải trả số tiền nợ 313.500.000 đồng (*ba trăm mười ba triệu, năm trăm nghìn đồng*).

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, tiền lãi chậm thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự.

* Ngày 13/10/2025, bị đơn là bà Nguyễn Thị T có đơn kháng cáo đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án dân sự sơ thẩm số 74/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi theo hướng không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

** Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:*

Việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa kể từ khi Tòa án cấp phúc thẩm thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Đối với người tham gia tố tụng: Các đương sự đã chấp hành đầy đủ quyền và nghĩa vụ quy định tại Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về nội dung: Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T; giữ nguyên bản án số 74/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi. Về án phí dân sự phúc thẩm, đề nghị giải quyết theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được kiểm tra xem xét và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, sau khi đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phát biểu ý kiến, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Kháng cáo của bị đơn trong thời hạn luật định và hợp pháp nên được thụ lý xem xét theo thủ tục phúc thẩm quy định tại Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung: Quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đều thừa nhận giữa bà L và bà T có mối quan hệ làm ăn buôn bán với nhau từ nhiều năm (năm 2018 đến năm 2024). Bà T là chủ lò mổ nên bà L thu mua heo và cung cấp cho bà T giết mổ, việc mua bán giữa các bên không lập hợp đồng mà chỉ thoả thuận bằng miệng.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi tại phiên tòa, xác định: Cách thức mua bán heo là bà T gọi điện thoại cho bà L đặt số lượng hàng và địa điểm giao hàng. Sau khi xác nhận đơn, bà L sẽ chuẩn bị hàng và giao theo yêu cầu của bà T, khi giao hàng, bà L sẽ ghi rõ thông tin về số lượng heo, cân nặng, đơn giá, số tiền hàng trong phiếu hàng rồi đưa cho lái xe để đưa cho bà T. Sau đó, bà T chuyển tiền hàng cho bà L. Việc chuyển tiền heo có lúc chuyển khoản vào số tài khoản của chị Phan Thị Hồng C1 (con dâu bà L), lúc đưa tiền mặt. Mỗi đơn hàng sau khi giao xong vào buổi tối thì đến chiều ngày hôm sau (sau khi mổ heo, bán heo, thu tiền hàng), bà T chuyển trả tiền hàng cho bà L.

[3] Xét kháng cáo của bị đơn, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Bà T thừa nhận bà có nợ bà L số tiền 475.000.000 đồng theo “giấy ghi nợ ngày 18/5/2024”, số tiền 260.000.000 đồng theo giấy ghi “Chốt tiền heo (11-1-2024) đến ngày (8-2-2024)” còn số tiền “220.000” trong giấy ghi nợ có tiêu đề “Cô T 29/7/2024” thể hiện bà nợ bà L 220.000 đồng; các giấy chốt nợ đều được chốt tại nhà bà, khi chốt nợ có mặt bà L hoặc con dâu bà L là chị C1 nhưng bà không trả tiền trực tiếp cho bà L. Tổng cộng bà nợ bà L 735.220.000 đồng, số tiền này bà đã chuyển trả hết cho bà L thông qua anh V, bà T1 chuyển tiền vào tài khoản của chị C1. Chị C1 và các anh C, H, H1 xác nhận có nhận tiền chuyển khoản từ anh V, bà

T1 nhưng số tiền này là tiền bà T trả tiền mua heo hằng ngày phát sinh sau ngày 18/5/2024, không phải trả tiền theo các giấy nợ nêu trên.

Theo sao kê tài khoản (bút lục 175-176), thể hiện từ ngày 29/7/2024 đến ngày 08/11/2024 anh V chuyển vào tài khoản của chị C1, số tiền theo 03 sao kê (bút lục 60-62) bà T1 chuyển cho chị C1 là 737.640.000 đồng. Bà T cho rằng số tiền này bà nhờ anh V, bà T1 chuyển trả tiền heo cho bà L là trả theo các giấy chốt nợ và bà trả dư số tiền 2.420.000 đồng nhưng bà T không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh cho lời trình bày của bà là có căn cứ và không được những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L thừa nhận. Tại biên bản lấy lời khai ngày 19/8/2025 (bút lục 96), ngày 17/7/2025 (bút lục 95) anh V, bà T1 trình bày bà T có nhờ anh và bà chuyển tiền trả tiền mua heo cho bà L thông qua số tài khoản của chị C1, khi nhờ chuyển tiền, bà T chỉ nói nhờ chuyển tiền heo chứ không nói rõ chuyển trả cho khoản nợ nào.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/6/2025 (bút lục 83-84) bà T cho rằng từ ngày 18/5/2024, giữa bà và bà L chấm dứt việc làm ăn buôn bán heo với nhau nên không phát sinh nợ, các khoản nợ theo các giấy chốt nợ là phát sinh trước ngày 18/5/2024; giấy có tiêu đề “*Cô T 29/7/2024*”, ghi số tiền chốt nợ “220.000” do trước đó các bên tính toán nhưng còn sót số tiền này. Tuy nhiên, tại biên bản đối chất ngày 28/8/2025 (bút lục 102-103) và tại phiên toà bà T xác định từ sau ngày 18/5/2024, giữa bà và bà L vẫn tiếp tục mua bán heo với nhau nhưng bà L yêu cầu bà phải chuyển trả đủ tiền cho bà L thì bà L mới giao heo cho bà; bà trả tiền heo hằng ngày cho bà L bằng hình thức đưa trực tiếp cho anh Võ Ngọc C (là lái xe giao heo) nhưng bà T không có chứng cứ chứng minh việc giao tiền cho anh C và cũng không được anh C thừa nhận.

Giấy có tiêu đề “*Cô T 29/7/2024*” thể hiện các con số “205.000” và số “15”, số “220.000đ”, bà T xác định các con số trong giấy nêu trên là hai trăm lẻ năm nghìn đồng, mười lăm nghìn đồng và hai trăm hai mươi nghìn đồng. Tuy nhiên, theo các tài liệu có tại hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 148/2024/TLST-DS ngày 20/5/2024 của Toà án nhân dân thành phố Quảng Ngãi được Toà án nhân dân khu vực 1 – Quảng Ngãi sao lục thì bà T thừa nhận giấy ghi đề ngày 11/6/2023 là chữ viết, chữ ký của bà để chốt số nợ từ năm 2018 đến năm 2023; các số ghi “315.000”, “265.000”, “229.000” được thể hiện trong giấy ghi đề ngày 11/6/2023 là ba trăm mười lăm triệu đồng, hai trăm sáu mươi lăm triệu đồng và hai trăm hai mươi chín triệu đồng. Tại phiên toà, bà T thừa nhận việc mua bán heo của bà và bà L diễn ra thường xuyên, mỗi lần đặt từ 02-03 con heo, có khi bà L giao 06 con heo thì bà vẫn nhận, mỗi đợt giao hàng số tiền hàng từ dưới 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng nên bà T cho rằng giấy đề ngày 29/7/2024 có ghi 205.000 là hai trăm lẻ năm

ngàn, 15 là mười lăm ngàn, 220.000 là hai trăm hai mươi ngàn là không phù hợp thực tế giao dịch mua bán giữa các và không được những người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng của bà L thừa nhận.

[4] Tại cấp phúc thẩm, bà T không cung cấp được thêm tài liệu chứng cứ chứng minh cho kháng cáo của bà là có căn cứ, nên không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của bà Nguyễn Thị T.

[5] Về án phí: Do kháng cáo không được chấp nhận nên bà T phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002125 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà T đã nộp đủ án phí dân sự phúc thẩm.

[6] Các phần khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ thời điểm hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

[7] Đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Ngãi phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 116, 117, 119, 430, 431, 433, 440 của Bộ luật dân sự;

Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Không chấp nhận kháng cáo của bị đơn là bà Nguyễn Thị T.

Giữ nguyên bản án số 74/2025/DS-ST ngày 30/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 1 - Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Về án phí dân sự phúc thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 300.000 đồng (*ba trăm ngàn*) tiền án phí dân sự phúc thẩm, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự phúc thẩm đã nộp theo Biên lai số 0002125 ngày 07/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi. Bà Nguyễn Thị T đã nộp đủ tiền án phí dân sự phúc thẩm.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án (ngày 26/01/2026).

Nơi nhận:

- TAND khu vực 1 - tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Ngãi
- Phòng THADS khu vực 1 - Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Dương Thị Vân

[1.2] Tại phiên tòa, những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn Vương V, bà Nguyễn Thị T1 đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không rõ lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt những người nêu trên.

